

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **39/2020/DS-ST**

Ngày: 26-02-2020

V/v tranh chấp:

*“Hợp đồng góp hui,
vay tài sản, mua bán tài sản ”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Lê Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Y – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 327/2019/TLST-DS ngày 03/9/2019 về tranh chấp hợp đồng góp hui, vay tài sản, mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 268/2, khu phố x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Lệ H, sinh năm 1965 và ông Lê Văn C, sinh năm 1967. Cùng nơi cư trú: Số 10/2, ấp TH, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Về phần góp hui: Bà Đặng Thị Lệ H có tham gia chơi hui do bà làm chủ hui, gồm tất cả 05 dây hui, cụ thể:

- Dây hui thứ nhất: hui khai ngày 10/2/2016 (âm lịch), hui mãn ngày 10/8/2017 (âm lịch), hui 3.000.000 đồng/phần, có 19 hui viên trong đó chị H tham gia chơi 02 phần.

+ Bà H hốt hụi lần 1 vào ngày 10/2/2016 (âm lịch) với số tiền bà giao cho bà H đã nhận là: 39.900.000 đồng. Bà H đóng hụi chết cho bà được 04 lần (tháng) với số là 12.000.000 đồng thì không đóng nữa. Số tiền nợ của phần hụi này là 14 tháng hụi chết x 3.000.000 đồng = 42.000.000 đồng, đến nay bà H chưa trả.

+ Bà H hốt hụi lần 2 vào ngày 10/7/2016 (âm lịch) với số tiền bà giao cho bà H đã nhận là: 42.400.000 đồng. Bà H đóng hụi chết cho bà được 03 tháng với số là 9.000.000 đồng thì không đóng nữa. Số tiền nợ của phần hụi này là 9 tháng hụi chết x 3.000.000 đồng = 27.000.000 đồng, đến nay bà H chưa trả.

- **Dây hụi thứ hai:** hụi khai ngày 15/5/2016 (âm lịch), hụi mãn ngày 15/9/2017 (âm lịch), trong năm này có nhuận 02 tháng 6, hụi 3.000.000 đồng/phần, có 18 hụi viên trong đó bà H tham gia chơi 02 phần. Bà H đã hốt hết 02 phần vào ngày 15/5/2016 (âm lịch) với số tiền bà giao cho bà H đã nhận là: 75.600.000 đồng. Bà H đóng hụi chết cho bà được 02 lần với số là 12.000.000 đồng (02 phần) thì không đóng nữa. Số tiền nợ của 02 phần hụi này là 14 tháng hụi chết x 3.000.000 đồng/phần x 02 phần = 84.000.000 đồng, đến nay bà H chưa trả.

- **Dây hụi thứ ba:** hụi khai ngày 01/12/2016 (âm lịch), mãn hụi ngày 1/6/2018 (âm lịch), hụi 3.000.000 đồng/phần, có 18 hụi viên, bà H tham gia chơi 02 phần. Bà H đã hốt hết 02 phần vào ngày 01/12/2016 (âm lịch) với số tiền bà giao cho bà H đã nhận là: 76.600.000 đồng. Bà H đóng hụi chết cho bà được 04 lần với số là 24.000.000 đồng (02 phần) thì không đóng nữa. Số tiền nợ của 02 phần hụi này là 13 tháng hụi chết x 3.000.000 đồng/phần x 02 phần = 78.000.000 đồng, đến nay bà H chưa trả. Nhưng qua giải quyết và tại phiên tòa hôm nay do bà H và ông C không thừa nhận có tham gia dây hụi (thứ ba) và số tiền nợ của dây hụi này 78.000.000 đồng nên bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Dây hụi thứ tư:** hụi khai ngày 20/4/ 2016 (âm lịch), mãn ngày 20/11/2017 (âm lịch), hụi 3.000.000 đồng/phần, có 20 hụi viên trong đó bà H tham gia chơi 02 phần.

+ Bà H hốt hụi lần 1 vào ngày 20/4/2016 (âm lịch) với số tiền bà giao cho bà H đã nhận là: 41.200.000 đồng. Bà H đóng hụi chết cho bà được 04 lần với số là 12.000.000 đồng thì không đóng nữa. Số tiền nợ của phần hụi này là 15 tháng hụi chết x 3.000.000 đồng = 45.000.000 đồng, đến nay bà H chưa trả.

+ Bà H hốt hụi lần 2 vào ngày 20/7/2016 (âm lịch) với số tiền bà giao cho bà H đã nhận là: 41.400.000 đồng. Bà H đóng hụi chết cho bà được 03 lần với số là 9.000.000 đồng thì không đóng nữa. Số tiền nợ của phần hụi này là 11 tháng hụi chết x 3.000.000 đồng = 33.000.000 đồng, đến nay bà H chưa trả.

- **Dây hụi thứ năm:** hụi khai ngày 20/4/2016 (âm lịch), mãn ngày 20/11/2017 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng, có 19 hụi viên trong đó bà H tham gia chơi 01 phần. Bà H hốt hụi vào ngày 20/4/2016 (âm lịch) với số tiền bà giao cho bà H đã nhận là: 27.800.000 đồng. Bà H không đóng hụi chết lần nào cho bà. Số tiền nợ của phần hụi này là 18 tháng hụi chết x 2.000.000 đồng = 36.000.000 đồng, đến nay bà H chưa trả.

Về phần tiền vay:

- Ngày 20/6/2014 (âm lịch) bà H vay của bà số tiền là 30.000.000 đồng và đến ngày 25/12/2014(âm lịch) bà H vay thêm 30.000.000 đồng, tiền này bà không có tính lãi.

- Ngày 11/4/2016 (âm lịch) bà H vay của bà số tiền là 40.000.000 đồng, thỏa thuận góp mỗi ngày 800.000 đồng (trả dần mỗi ngày), bà H thực hiện góp được 01 tháng (30 ngày) với số tiền 24.000.000 đồng, còn nợ 16.000.000 đồng, tiền lãi 1.600.000đồng và vào ngày 11/5/2016 (âm lịch) bà cho bà H vay thêm 22.400.000 đồng cho chẵn 40.000.000 đồng.

- Ngày 20/12/2016 (âm lịch) bà H vay thêm 80.000.000 đồng để mua đồ bán tết nhưng sau khi bán tết xong thì bà H không trả và bà đòi nhiều lần thì bà H trả được 17.550.000 đồng.

Bà H vay của bà 05 lần với tổng cộng số tiền là 180.000.000 đồng, bà H trả cho bà được 17.550.000 đồng, còn nợ 162.450.000 đồng. Nhưng qua giải quyết và tại phiên tòa hôm nay do bà H và ông C chỉ thừa nhận có vay 30.000.000 đồng nên nay bà tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 132.450.000đồng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về phần nợ tiền mua bán là: 1.350.000 đồng. Nhưng qua giải quyết và tại phiên tòa hôm nay do bà H và ông C chỉ thừa nhận còn nợ 1.050.000 đồng nên nay bà tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 300.000đồng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Các khoản góp hụi bà H và ông C đều thừa nhận đã sử dụng vào mục đích chung cho gia đình như chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và bù vào các khoản do bà H mua bán thua lỗ nên nay bà yêu cầu bà H, ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà tổng cộng với số tiền là: 298.050.000 đồng.

Việc bà H cho rằng bà có đồng ý cho bà H trả dần tiền vay mỗi tháng trả 500.000đồng là không có và bà cũng không có nhận của bà H số tiền 2.500.000 đồng như bà H đã trình bày.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Lệ H và ông Lê văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 01 lần của số tiền góp hụi, tiền vay, tiền mua bán là 298.050.000 đồng (trong đó: Tiền góp hụi 267.000.000 đồng, tiền vốn vay 30.000.000 đồng, tiền mua bán 1.050.000 đồng).

Chứng cứ bà cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của bà là 01 Bản lược dịch ghi ngày 16/8/2019 và bảng lược dịch ghi âm ngày 18/9/2019 đã có một đoạn thoại bà H xác nhận ý kiến như sau:

“ ...

- Tôi (Lê Thị Đ) nói: Cũng như hôm đó chị còn thiếu em nội vụ em cộng hết luôn đó là 507.250.000đồng.

- Bà Đặng Thị Lệ H nói: chị không có ba cái giấy tờ gì hết, chị đi rồi chị bỏ đâu mất tiêu hết trơn, chị không có coi nữa, nhưng mà chị biết thì con Đ với chị thì con Đ đâu có tính tằm bậy tằm bạ đâu.

- Tôi (Lê Thị Đ) nói: Đâu có,, trời ơi, ai mà ăn gian bậy bạ.

- Bà Đặng Thị Lệ H nói: Ồ.

...”

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị Lệ H trình bày:

Tại phiên tòa bà H chỉ thừa nhận có thực hiện tham gia chơi hội do bà Lê Thị Đ làm chủ hội, có 04 dây hội chứ không phải 05 dây như bà Đ yêu cầu, các dây hội thực hiện tham gia như sau:

- **Dây hội thứ nhất:** hội khai ngày 10/2/2016 (âm lịch), hội mãn ngày 10/8/2017 (âm lịch), hội 3.000.000 đồng/phần, có 19 hội viên trong đó bà tham gia chơi 02 phần.

+ Bà hốt hội lần 1 vào ngày 10/2/2016 (âm lịch) với số tiền bà Đ giao cho bà đã nhận là: 39.900.000 đồng. Sau khi hốt hội thì bà đã thực hiện đóng hội chết cho bà Đ đầy đủ nên nay bà không còn nợ tiền của dây hội này.

+ Bà hốt hội lần 2 vào ngày 10/7/2016 (âm lịch) với số tiền bà Đ giao cho bà đã nhận là: 42.400.000 đồng. Sau khi hốt hội thì bà đã thực hiện đóng hội chết cho bà Đ đầy đủ nên nay bà không còn nợ tiền của dây hội này.

- **Dây hội thứ hai:** hội khai ngày 15/5/2016 (âm lịch), hội mãn ngày 15/9/2017 (âm lịch), trong năm này có nhuận 02 tháng 6, hội 3.000.000 đồng/phần, có 18 hội viên trong đó bà tham gia chơi 02 phần và bà đã hốt hết 02 phần vào ngày 15/5/2016 (âm lịch) với số tiền bà Đ giao cho bà đã nhận là: 75.600.000 đồng. Sau khi hốt hội thì bà đã thực hiện đóng hội chết cho bà Đ đầy đủ nên nay bà không còn nợ tiền của dây hội này. Bà H đóng hội chết cho bà Đ được 02 lần với số là 12.000.000 đồng (02 phần) thì không đóng nữa. Số tiền nợ của 02 phần hội này là 14 tháng hội chết x 3.000.000 đồng/phần x 02 phần = 84.000.000 đồng, đến nay bà H chưa trả.

- **Dây hội thứ ba:** hội khai ngày 20/4/ 2016 (âm lịch), mãn ngày 20/11/ 2017 (âm lịch), hội 3.000.000 đồng/phần, có 20 hội viên trong đó bà H tham gia chơi 02 phần.

+ Bà H hốt hội lần 1 vào ngày 20/4/2016 (âm lịch) với số tiền bà Đ giao cho bà đã nhận là: 41.200.000 đồng. Sau khi hốt hội thì bà có thực hiện đóng hội chết cho bà Đ và hiện nay bà còn nợ của bà Đ 02 tháng hội chết x 3.000.000 đồng = 6.000.000 đồng

+ Bà H hốt hội lần 2 vào ngày 20/7/2016 (âm lịch) với số tiền bà Đ giao cho bà đã nhận là: 41.400.000 đồng. Sau khi hốt hội thì bà có thực hiện đóng hội chết cho bà Đ và hiện nay bà còn nợ của bà Đ 02 tháng hội chết x 3.000.000 đồng = 6.000.000 đồng

- **Dây hội thứ tư:** hội khai ngày 20/4/2016 (âm lịch), mãn ngày 20/11/2017 (âm lịch), hội 2.000.000 đồng, có 19 hội viên trong đó bà tham gia chơi 01 phần. Sau khi hốt hội thì bà có thực hiện đóng hội chết cho bà Đ và hiện nay bà còn nợ của bà Đ 02 tháng hội chết x 2.000.000 đồng = 4.000.000 đồng

Các lần hốt hội và đóng hội chết cho bà Đ thì bà và bà Đ đều không có làm giấy tờ. Đồng thời hiện nay bà còn nợ tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và tiền mua bán là 1.050.000 đồng như bà Đ đã yêu cầu.

Số tiền vay thì bà có nhờ em của bà là chị Đặng Thị Ngọc T trả dần cho bà Đ được số tiền 2.500.000 đồng, do việc trả dần không có làm giấy tờ nên nay chị Đ không đồng ý có nhận số tiền này với bà.

Các khoản góp hui, tiền vay, mua bán đã sử dụng vào mục đích chung cho gia đình như chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và bù vào các khoản do mua bán thua lỗ nên nay bà và ông C có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Đ.

Tại phiên tòa bà và ông C đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ số tiền góp hui, tiền vay, tiền mua bán tổng cộng là 47.050.000 đồng (trong đó: Tiền góp hui 16.000.000 đồng, tiền vốn vay 30.000.000 đồng, tiền mua bán 1.050.000 đồng).

Chứng cứ bà cung cấp là 01 văn bản ghi ý kiến trình bày của Đặng Thị Ngọc T ngày 26/9/2019 ; còn chứng cứ do bà Đ cung cấp cho Tòa án là 01 Bản lược dịch ghi âm ngày 16/8/2019 và bản lược dịch ghi âm ngày 18/9/2019 bà đều thừa nhận toàn bộ nội dung như trong các bản lược dịch ghi âm là các cuộc trò chuyện giữa bà với và Đ, nhưng bà không thừa nhận có nợ của bà Đ số tiền mà bà Đ đã yêu cầu theo đơn khởi kiện là 507.250.000 đồng.

Gia đình bà và ông C không thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý và không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Tại phiên tòa bà Đặng Thị Lệ H (vợ ông) thừa nhận có nợ tiền góp hui, tiền vay, tiền mua bán của Lê Thị Đ với tổng cộng số tiền 47.050.000 đồng (trong đó: Tiền góp hui 16.000.000 đồng, tiền vốn vay 30.000.000 đồng, tiền mua bán 1.050.000 đồng) thì ông đồng ý sẽ có nghĩa vụ liên đới cùng với bà H trả số tiền cho bà Đ, ông biết số tiền này là do bà H sử dụng vào mục đích chung cho gia đình như chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và bù vào các khoản do mua bán thua lỗ. Hiện nay ông và bà H đang là vợ chồng hợp pháp, sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1989.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS.

Về nội dung đề nghị:

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Đ đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Đặng Thị Lệ H, ông Lê Văn C số tiền 210.750.000 đồng nên Đình chỉ một phần khởi kiện.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ. Buộc bà Đặng Thị Lê H, ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Đ số tiền là 298.050.000 đồng, bà Đ không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Đ tranh chấp hợp đồng góp hội, vay tài sản, mua bán tài sản với bị đơn bà Đặng Thị Lê H, ông Lê Văn C theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị Đ và bà Đặng Thị Lê H thống nhất là bà H thừa nhận có thực hiện tham gia góp hội do bà Lê Thị Đ làm chủ hội là 04 dây hội và bà H xác nhận sau khi khai các dây hội thì bà H đã nhận số tiền hội do bà Đ đã giao của 04 dây hội với tổng cộng số tiền là: 268.300.000 đồng. Tại phiên tòa Bà Đ thừa nhận sau khi bà H hốt hội thì đã góp tiền hội chết của 04 dây hội cho bà Đ với số tiền là: 54.000.000 đồng, hiện nay còn nợ tiền góp hội chết của 04 dây hội là: 267.000.000 đồng. Còn bà H thì cho rằng sau khi hốt hội thì bà H đã thực hiện góp hội chết của dây hội thứ nhất, thứ hai đầy đủ hiện nay không còn nợ của hai dây hội này; còn dây hội thứ ba, thứ tư thì bà H góp hội chết cho bà Đ nhưng hiện nay còn nợ của hai dây hội này với số tiền là: 16.000.000 đồng, bà H tại tòa thừa nhận mỗi lần góp hội chết cho bà Đ đều không có làm giấy tờ với bà Đ. Mặt khác Tòa án đã ban hành Thông báo số 2290/TB-TA ngày 18/9/2019 để bà H, ông C biết về việc cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày nhưng bà H, ông C vẫn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện chỉ còn nợ của bà Đ tiền góp hội là 16.000.000 đồng. Đồng thời tại phiên tòa bà Đ cũng đã phủ nhận việc bà H đã trình bày. Xét lời trình bày của bà H, ông C hoàn toàn không có căn cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét chấp nhận.

[3] Số tiền vay 30.000.000 đồng, tiền mua bán 1.050.000 đồng tuy hai bên cho rằng không có làm biên nhận nợ nhưng tại phiên tòa bà H, ông C đều đã thừa nhận hiện nay vẫn còn nợ của bà Đ số tiền này chưa trả nên bà Đ yêu cầu bà H, ông C trả tiền là có cơ sở và bà Đ không phải cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[4] Việc bà H cho rằng có thỏa thuận trả dần cho bà Đ và đã trả được số tiền 2.500.000 đồng nhưng do bà Đ không thừa nhận có nhận số tiền này và bà H, ông C không có chứng cứ chứng minh nên Tòa không xem xét.

Số tiền nợ góp hội, tiền vay và tiền mua bán tài sản với bà Đ, bà H thừa nhận đã sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình và ông C (chồng bà H) tại phiên tòa cũng đã thừa nhận biết việc này. Do đó bà Đ yêu cầu ông C phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả tiền cho bà Đ là có căn cứ.

Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 430, 463, 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc bà Đặng Thị Lệ H và ông Lê Văn C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Đ số tiền 298.050.000 đồng (trong đó: Tiền góp hụi 267.000.000 đồng, tiền vay tài sản 30.000.000 đồng, tiền mua bán tài sản 1.050.000 đồng), bà Đ không yêu cầu tính lãi nên Tòa không xem xét.

[5] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc bà Lê thị Đ không yêu cầu bà Đặng Thị Lệ H và ông C phải trả số tiền 210.750.000đồng (trong đó: tiền góp dây hụi thứ ba 78.000.000 đồng, tiền vay 132.450.000 đồng, tiền mua bán tài sản 300.000 đồng)

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà H, ông C phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền bà H, ông C phải liên đới nộp (298.050.000đồng x 5%) là 14.902.500(Mười bốn triệu, chín trăm lẻ hai nghìn, năm trăm) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ. Buộc bà Đặng Thị Lệ H và ông Lê Văn C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Đ số tiền 298.050.000 (Hai trăm chín mươi tám triệu, không trăm năm chục nghìn) đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc bà Lê Thị Đ yêu cầu bà Đặng Thị Lệ H và ông Lê Văn C phải trả số tiền 210.750.000đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Lệ H và ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới nộp: 14.902.500 (Mười bốn triệu, chín trăm lẻ hai nghìn, năm trăm) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị Đ được Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.172.000 (Mười hai triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006118, ngày 03 tháng 9 năm 2019.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn – Lê Văn Tài

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Triết

